

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2017

V/v: “*Tranh chấp quan hệ hôn nhân*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng**

2. Ông Trần Đình Khoa

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Hồng Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 164/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2017 về “*Tranh chấp quan hệ hôn nhân*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T - Sinh năm 1970

Trú tại: 143 khu phố Núi Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở: 283A khu phố Núi Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B - sinh năm 1963

Trú tại: 143 khu phố Núi Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Ông B, bà T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Năm 1989 bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn B chính thức chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Long Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai (cũ). Trong quá trình chung sống, giữa ông bà

phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông B không có trách nhiệm với gia đình dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà T cho rằng bà thường xuyên bị ông B bạo hành cả về thể xác lẫn tinh thần. Trước đây, ông B thường đánh đập bà nhưng thời gian sau thì không đánh nữa mà chửi bới, gây ảnh hưởng tới tâm lý, công việc và cuộc sống của bà. Năm 2008 bà đã dẫn 3 con chung về nhà mẹ ruột sinh sống nhưng sau đó vợ chồng hàn gắn quay về sống chung với ông B, tuy nhiên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn nên từ năm 2013 bà tiếp tục về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Thời gian ly thân ông B không quan tâm chăm sóc gì cho các con một mình bà phải tự lo nuôi con, ông B cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay do mâu thuẫn giữa bà và ông B không thể hàn gắn được và mỗi người đã có cuộc sống riêng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà T và ông B có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thụy Hồng N, sinh năm 1990, Nguyễn Thùy Hồng A, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Hoàng Tấn P, sinh ngày 06/4/1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T xác nhận ông bà đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng không thể tiếp tục chung sống nên vẫn cương quyết xin ly hôn với ông B.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông B đồng ý với phần trình bày của bà T thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông B xác nhận giữa ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng nguyên nhân chính là do những bất đồng trong cách cư xử nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Trong lúc nóng giận, ông có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm tới vợ, ông có đánh vợ nhưng chỉ đánh một hai lần. Năm 2008, vợ chồng mâu thuẫn bà T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và có làm đơn ly hôn ra phường, tại phường hòa giải bà T đồng ý quay lại sống chung nhưng đến tháng 7 năm 2013, bà T lại tiếp tục bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và ông bà đã chính thức sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Theo ông B mâu thuẫn giữa ông và bà T chỉ là những mâu thuẫn nhỏ mà cặp vợ chồng nào cũng có thể gặp phải, ông vẫn còn thương vợ, thương con nên ông không đồng ý ly hôn với bà T. Hơn nữa, ông là người theo đạo Thiên Chúa nên không thể ký thuận tình ly hôn.

Ngoài ra, ông B còn xác nhận trong thời gian vợ chồng ly thân ông không năn nỉ bà T trở về vì ông không đánh đập không xua đuổi, bà T tự bỏ đi thì bà T phải tự trở về. Về con cái do bà T dẫn con đi thì bà T phải lo cho con, còn nếu ở với ông thì ông mới chăm sóc nuôi dưỡng.

Về con chung: Ông B xác nhận ông và bà T có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thụy Hồng N, sinh năm 1990, Nguyễn Thụy Hồng A, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Hoàng Tấn P, sinh ngày 06/4/1999. Các con chung đều đã trưởng thành và hiện đang sống chung với bà T.

Về tài sản chung: Ông B xác nhận ông bà đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông B xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông B vẫn giữ nguyên quan điểm như nêu trên.

Bà T và ông B trước đây cùng sống chung tại 143 khu phố Núi Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa. Để có căn cứ xét xử Tòa án đã tiến hành thu thập lời khai của ông Vũ Bá Dương là Trưởng ban điều hành khu phố Núi Dinh, phường Kim Dinh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông B bà T.

Về ý kiến của ông Vũ Bá Dương:

Ông Dương hiện là Trưởng ban điều hành khu phố Núi Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa nơi vợ chồng ông B bà T cư trú. Ông Dương cho biết trước đây bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn B cư trú tại 143 khu phố Núi Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa ông B và bà T có xảy ra mâu thuẫn nhưng cụ thể là mâu thuẫn gì thì ông không rõ. Ông B và bà T không còn sống chung với nhau nữa mà đã ly thân mấy năm nay, ông B vẫn sống tại địa chỉ trên còn bà T dẫn con các con về nhà mẹ ruột sinh sống.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gia chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Các đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà T đã trầm trọng, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông B, về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, về án phí bà T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu T có đơn xin ly hôn, ông B hiện đang cư trú tại thành phố Bà Rịa nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn B là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp từ đó dẫn đến thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Bà T cho rằng ông B thường xuyên chửi bới, gây rất nhiều áp lực cho bà trong cuộc sống. Vì mâu thuẫn căng thẳng, kéo dài bà đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2013 đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Trong thời gian ly thân ông B không thể hiện bất cứ thiện chí nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc. Bà T một mình bươn chải làm ăn nuôi dạy con chung, vợ chồng không còn quan tâm lo lắng cho nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Bản thân ông B cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Ông B không thể hiện thiện chí hàn gắn là do bà T tự ý bỏ đi ông không xua đuổi, con chung sống với bà T thì bà T phải tự chăm lo nuôi dưỡng. Ông B không đồng ý ly hôn vì lý do tôn giáo và còn thương yêu vợ con. Qua thu thập lời khai của ông Vũ Bá Dương là Trưởng ban điều hành khu phố Núi Dinh, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa nơi vợ chồng ông B bà T cư trú, cũng xác nhận mâu thuẫn giữa ông B bà T là có thật, vợ chồng đã ly thân không còn chung sống cùng nhau nhiều năm nay. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông B và bà T thực sự không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông B.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống ông B và bà T có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thụy Hồng N, sinh năm 1990, Nguyễn Thùy Hồng A, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Hoàng Tấn P, sinh ngày 06/4/1999. Các con chung đều đã

trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà T và ông B cùng xác định ông bà đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Bà T ông B xác nhận không có nợ chung.

[6]. Về án phí: Bà T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng **khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;**

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T.

+ **Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

+ **Về con chung:** Bà T và ông B có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thụy Hồng N, sinh năm 1990, Nguyễn Thùy Hồng A, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Hoàng Tấn P, sinh ngày 06/4/1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

+ **Về tài sản chung:** Bà T xác nhận đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Về nợ chung:** Bà T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0005058 ngày 16/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/7/2017), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT
- VKSND TPBR

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- UBND P.Long Hương
- Các đương sự
- Lưu

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Anh

